

**PHỤ LỤC**  
**Các lô đất đấu giá tại thị trấn Nông Công, huyện Nông Công**

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Đơn giá (đồng/m <sup>2</sup> )	Giá khởi điểm (đồng)	Ghi chú
<b>I. Khu trung tâm Minh Thọ</b>		<b>3.038,4</b>		<b>39.499.200.000</b>	
1	CL-L7	96,0	13.000.000	1.248.000.000	
2	CL-L8	96,0	13.000.000	1.248.000.000	
3	CL-L9	96,0	13.000.000	1.248.000.000	
4	CL-L10	96,0	13.000.000	1.248.000.000	
5	CL-L11	96,0	13.000.000	1.248.000.000	
6	CL-L12	96,0	13.000.000	1.248.000.000	
7	CL-L13	96,0	13.000.000	1.248.000.000	
8	CL-L14	96,0	13.000.000	1.248.000.000	
9	CL-L18	98,8	13.000.000	1.284.400.000	
10	CL-L19	99,6	13.000.000	1.294.800.000	
11	CL-L20	100,0	13.000.000	1.300.000.000	
12	CL-L21	100,0	13.000.000	1.300.000.000	
13	CL-L22	100,0	13.000.000	1.300.000.000	
14	CL-L23	100,0	13.000.000	1.300.000.000	
15	CL-L24	100,0	13.000.000	1.300.000.000	
16	CL-L25	100,0	13.000.000	1.300.000.000	
17	CL-L26	100,0	13.000.000	1.300.000.000	
18	CL-L27	100,5	13.000.000	1.306.500.000	
19	CL-L28	101,5	13.000.000	1.319.500.000	
20	CL-J26	100,0	13.000.000	1.300.000.000	
21	CL-J27	100,0	13.000.000	1.300.000.000	
22	Lô F6	104,5	13.000.000	1.358.500.000	
23	Lô F7	104,8	13.000.000	1.362.400.000	
24	Lô D3	92,4	13.000.000	1.201.200.000	
25	Lô NV30	310,9	13.000.000	4.041.700.000	
26	Lô NV32	357,4	13.000.000	4.646.200.000	
<b>II. Khu đô thị Nam thị trấn</b>		<b>1.455,7</b>		<b>13.876.300.000</b>	
1	CL-L10	100,0	10.000.000	1.000.000.000	
2	CL-L11	100,0	10.000.000	1.000.000.000	
3	B34	125,5	9.000.000	1.129.500.000	
4	B36	134,4	9.000.000	1.209.600.000	
5	B37	138,8	9.000.000	1.249.200.000	
6	B38	141,0	9.000.000	1.269.000.000	
7	B44	141,0	9.000.000	1.269.000.000	
8	I25	115,0	10.000.000	1.150.000.000	
9	I26	115,0	10.000.000	1.150.000.000	
10	I35	115,0	10.000.000	1.150.000.000	
11	I36	115,0	10.000.000	1.150.000.000	
12	I37	115,0	10.000.000	1.150.000.000	
<b>38</b>	<b>Cộng tổng</b>	<b>4.494,1</b>		<b>53.375.500.000</b>	